CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT

Ngày 31/12/2025	149,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.7%	**14.6%**	**0.3%**

DT thuần
Q4/25
14,913
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,803| 13.8%
YoY: ▲ 3,465| 30.3%

LN thuần
Q4/25
418
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 96.0| 29.7%
YoY: ▲ 257| 159%

LN sau thuế
Q4/25
348
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 82.0| 31.0%
YoY: ▲ 214| 160%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
3.1%
YoY: +/-▲ 1.2%

ROE
2025
21.9%
YoY: +/-▲ 5.4%

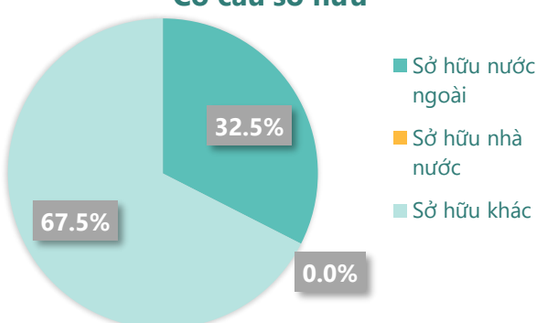
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	99,280 - 164,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	25,460
Số lượng CPLH (CP)	170,301,785
KLGD BQ 20 phiên (CP)	736,206
Sở hữu nước ngoài	32.5%
Beta	0.62
EPS	4,667
P/E	32.0

DT thuần
2025
51,083
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10,979| 27.4%

LN thuần
2025
1,213
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 670| 123%

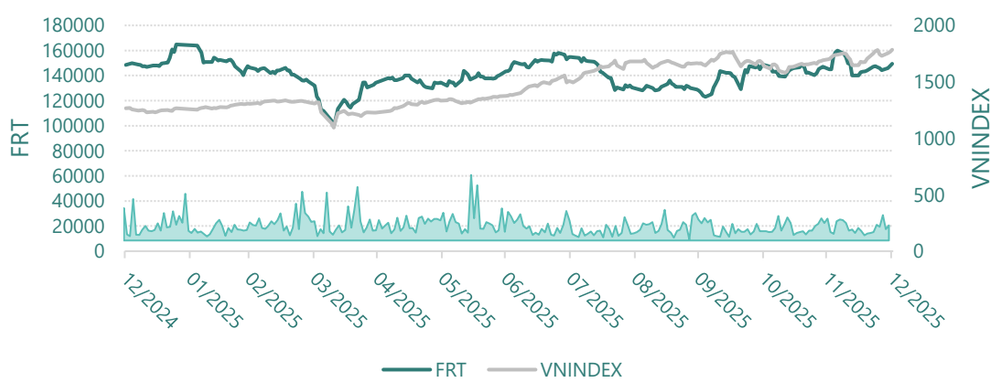
LN sau thuế
2025
984
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 576| 141%

Cơ cấu sở hữu

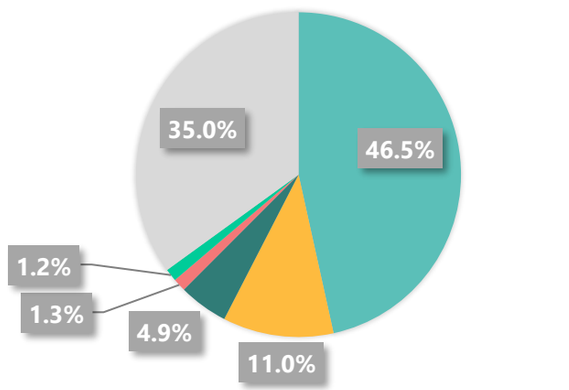


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



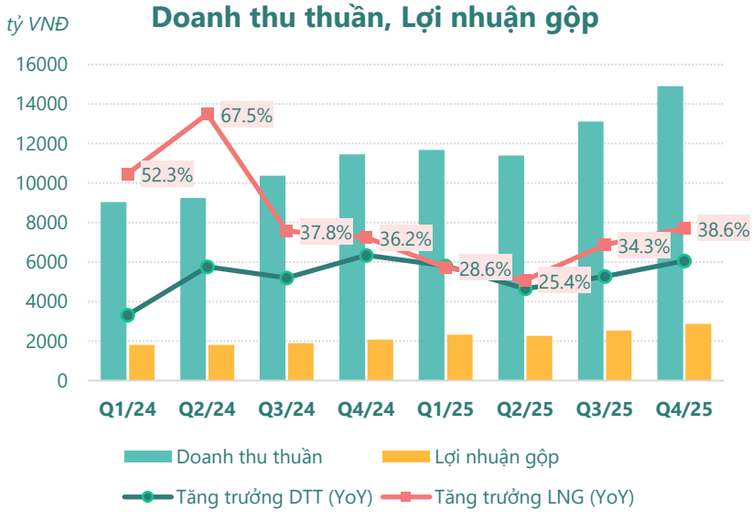
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

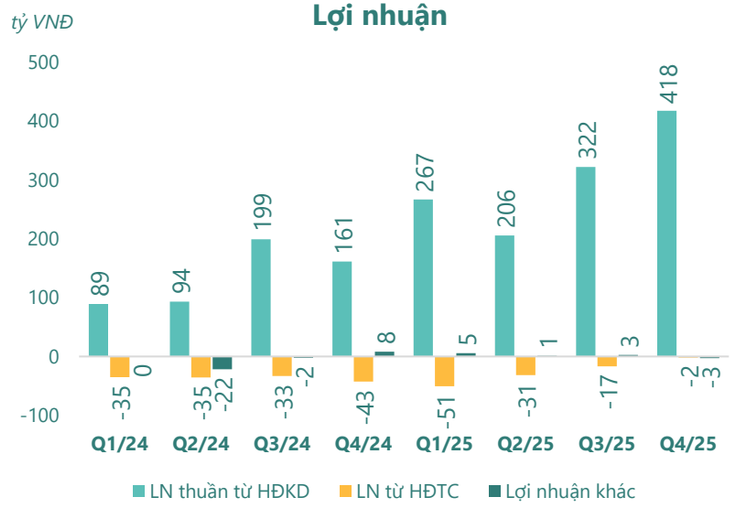
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



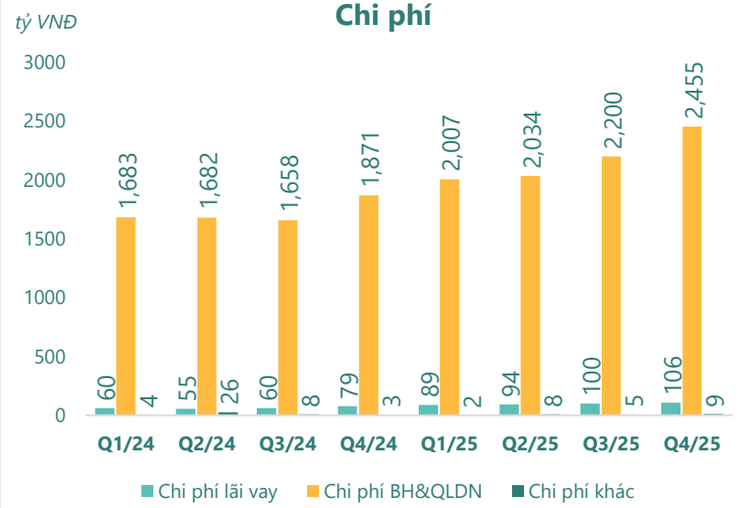
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



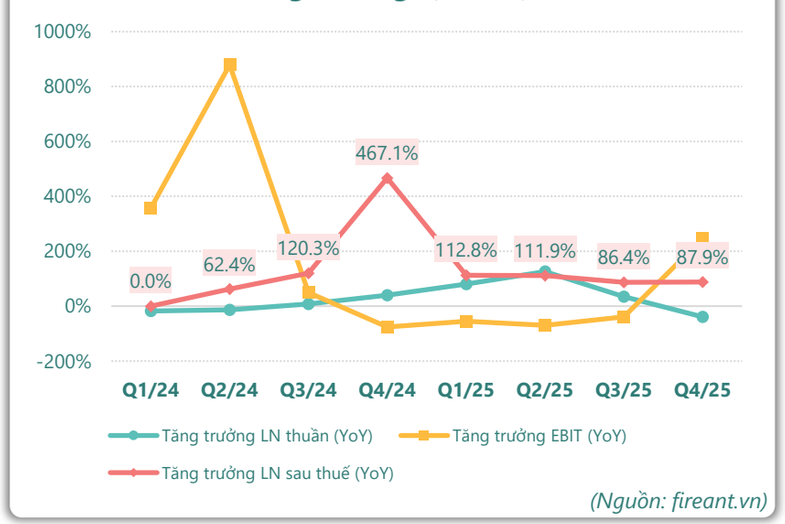
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



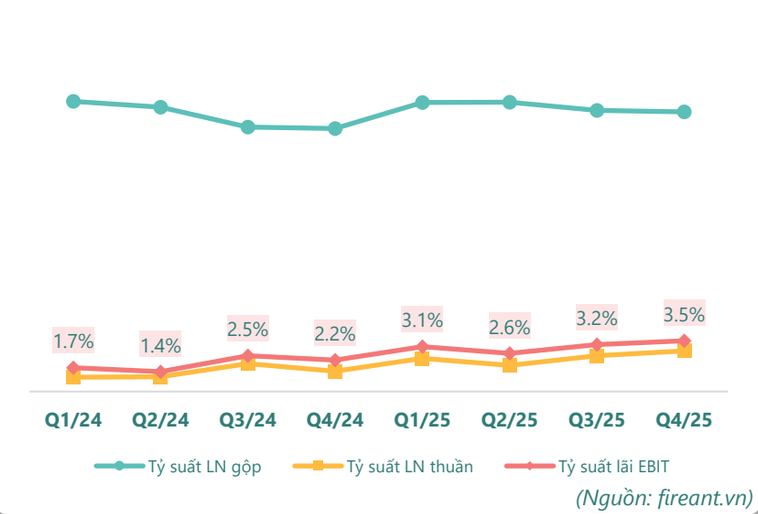
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



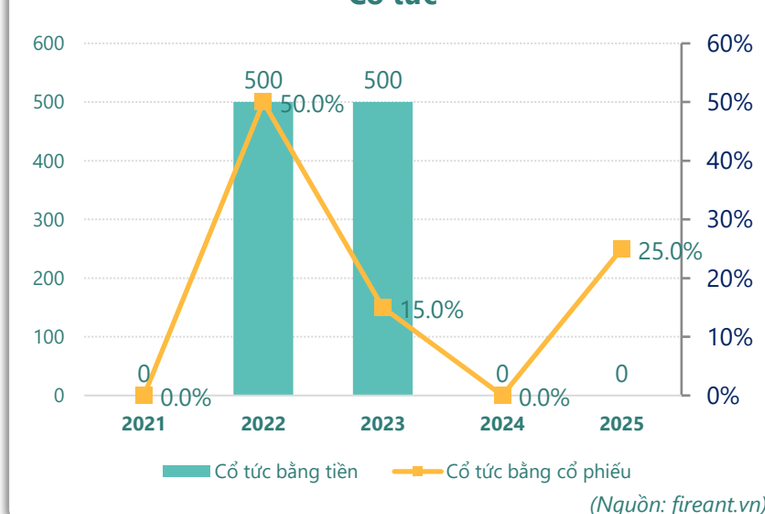
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

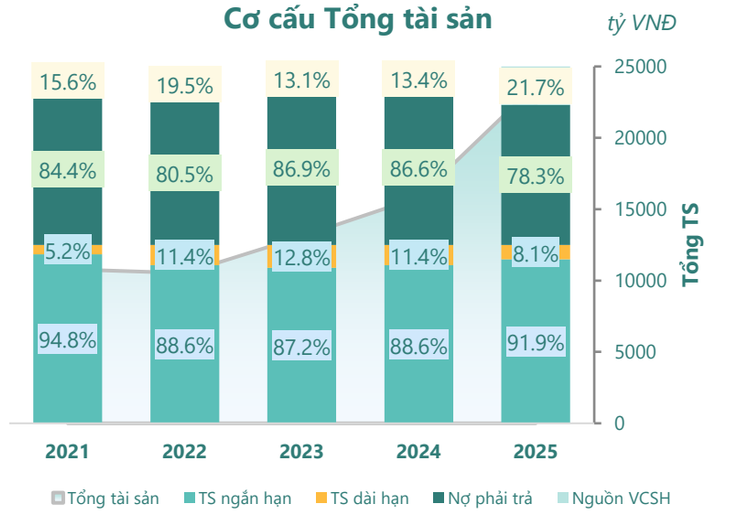
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

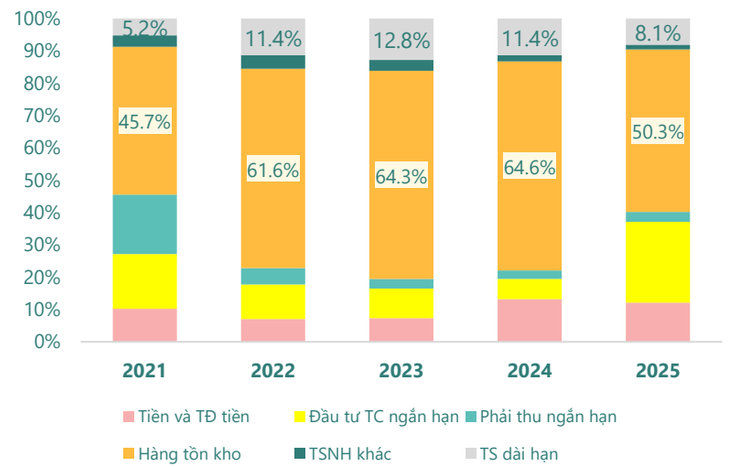
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



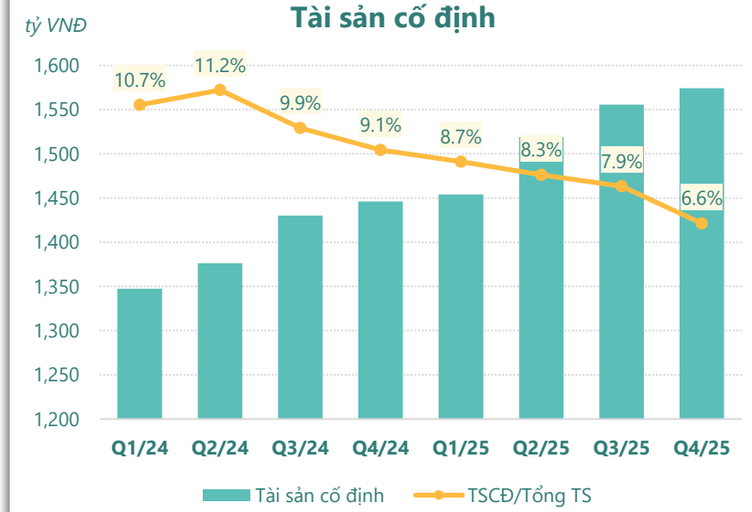
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



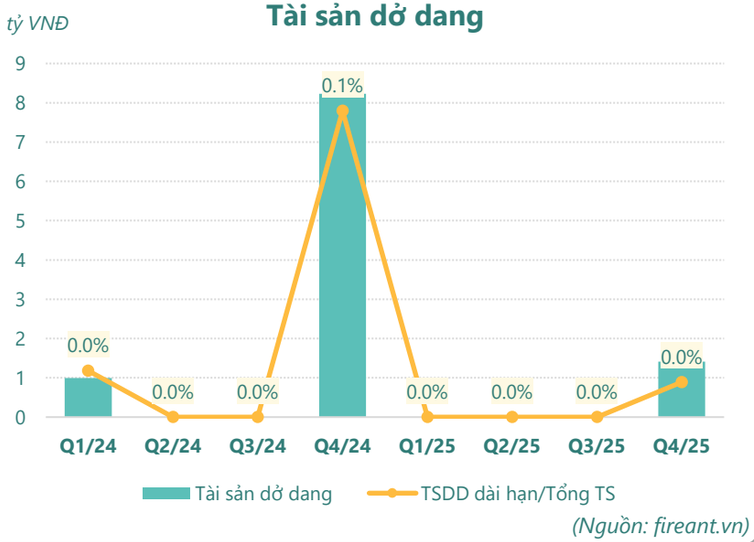
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



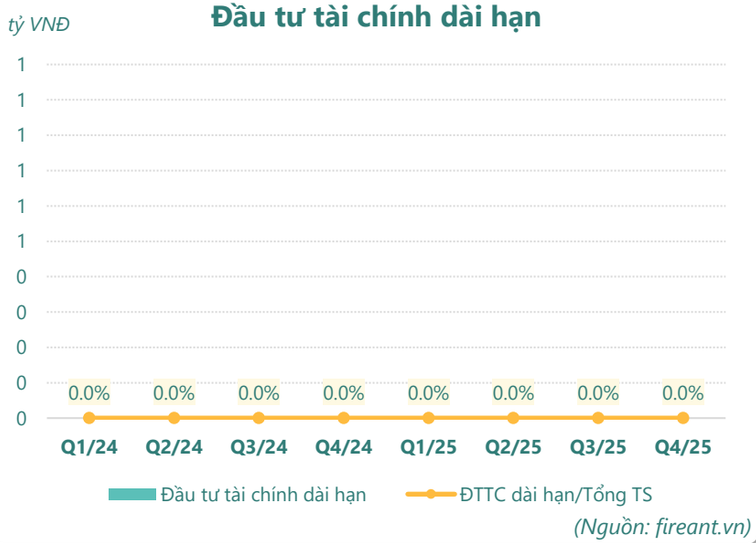
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



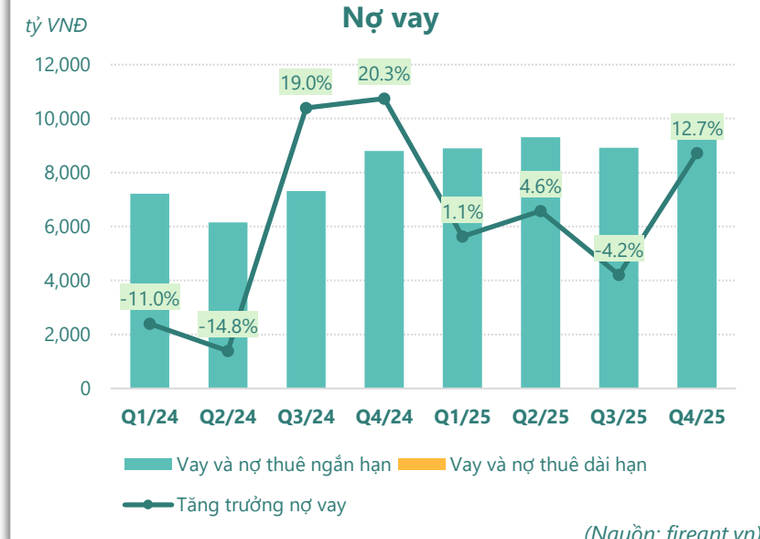
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

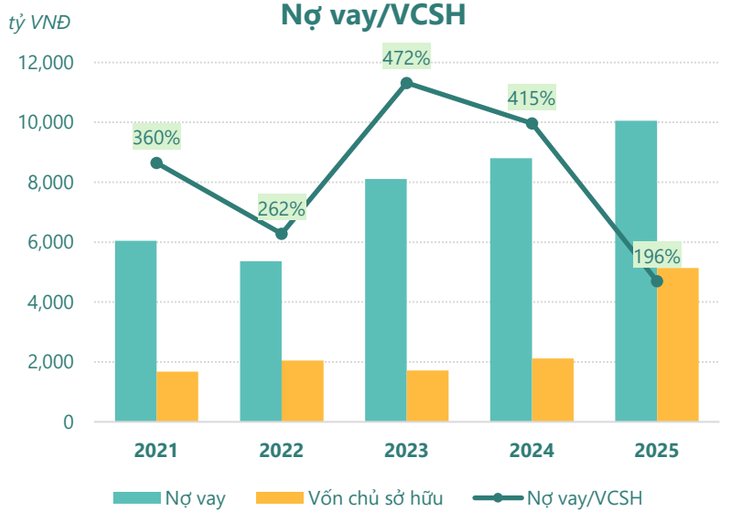
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

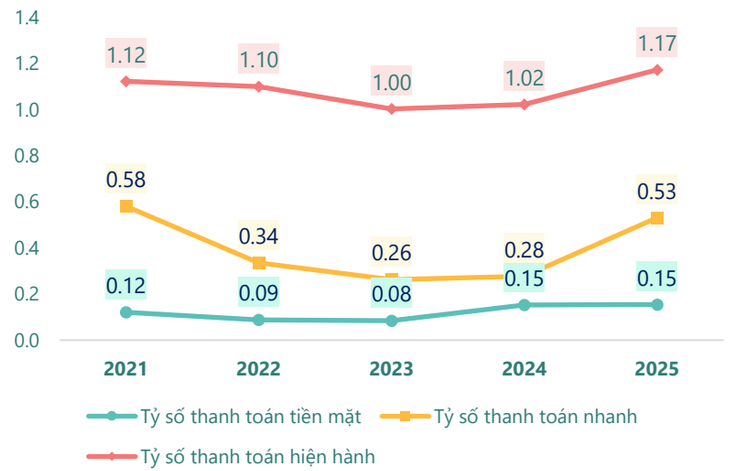
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



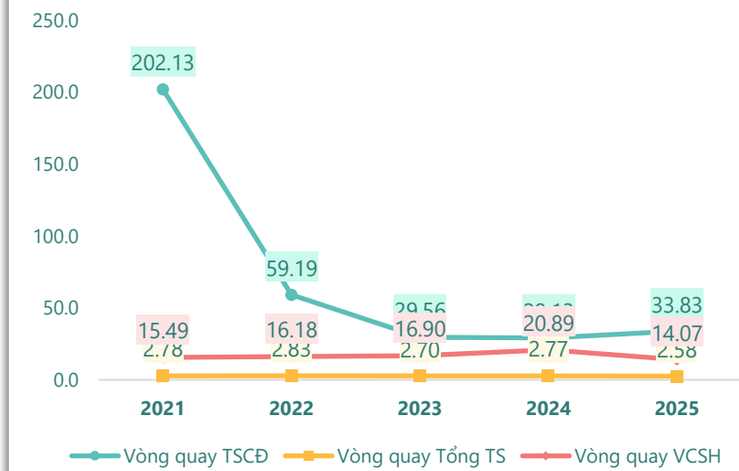
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



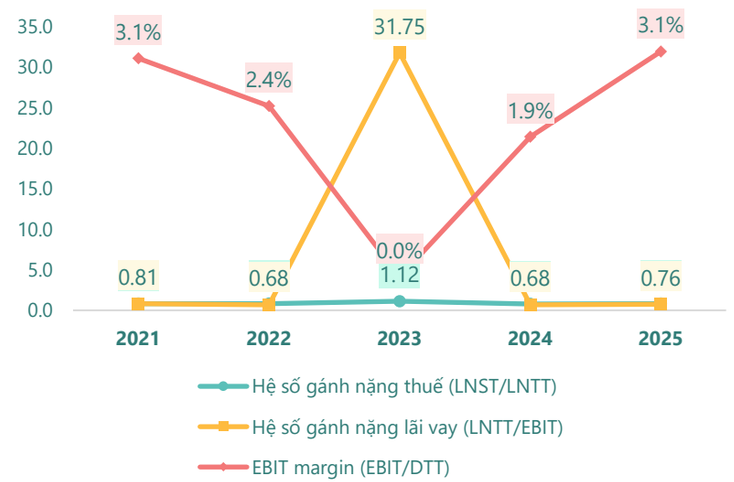
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



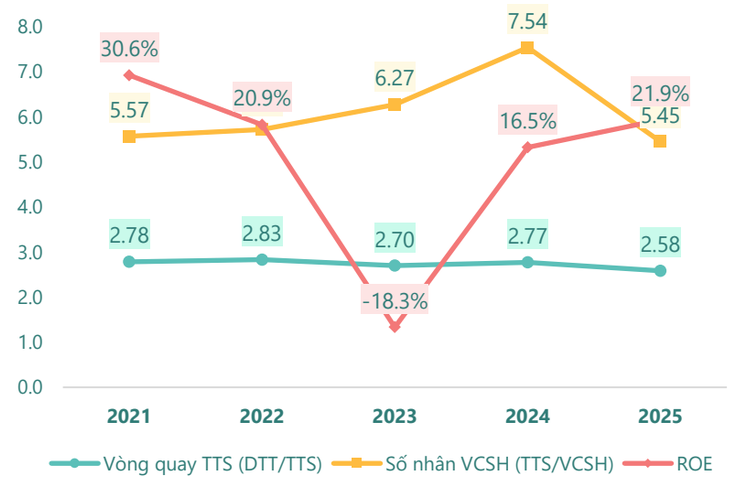
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



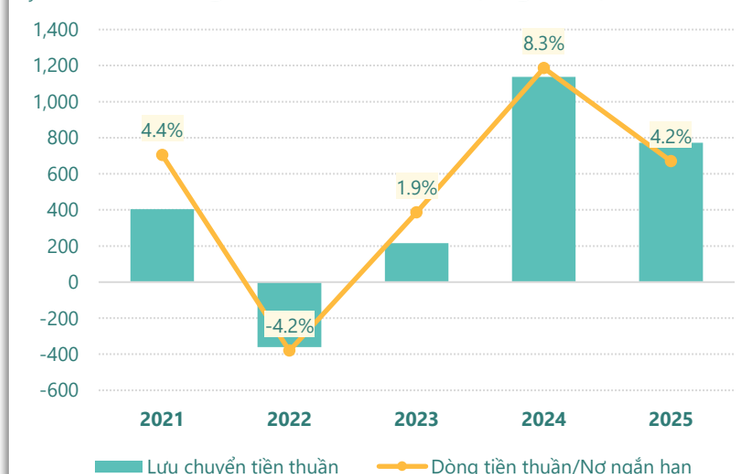
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**14,913**	**11,448**	**30.3%**	**51,083**	**40,104**	**27.4%**
Giá vốn hàng bán	12,038	9,373	28.4%	41,073	32,521	26.3%
Lợi nhuận gộp	2,875	2,074	38.6%	10,010	7,583	32.0%
Doanh thu HĐTC	105	36.3	188%	288	107	169%
Chi phí TC	106	78.9	35.0%	389	254	53.1%
Chi phí lãi vay	106	78.9	34.9%	389	253	53.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1,980	1,465	35.1%	7,018	5,527	27.0%
Chi phí QLDN	**475**	**405**	**17.3%**	**1,678**	**1,366**	**22.8%**
LN thuần từ HĐKD	418	161	159%	1,213	543	123%
Lợi nhuận khác	**-2.77**	**8.07**	**-134%**	**6.28**	**-16.2**	**139%**
LN trước thuế	415	169	146%	1,219	527	131%
Lợi nhuận sau thuế	**348**	**134**	**160%**	**984**	**408**	**141%**
LNST của CĐ cty mẹ	**290**	**111**	**161%**	**795**	**318**	**150%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-150	-1,165	1,143	497	905	203
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	519	-446	51.9	-2,807	-1,731	-777
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,164	1,484	98.8	1,301	-393	2,282
Tiền đầu kỳ	691	2,224	2,098	3,391	2,382	1,162
Lưu chuyển tiền thuần	**1,533**	**-127**	**1,293**	**-1,009**	**-1,220**	**1,708**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.04	0.13	0.05	-0.06	-0.10
Tiền cuối kỳ	2,224	2,098	3,391	2,382	1,162	2,870

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**23,714**	**15,833**	**49.8%**
Tài sản ngắn hạn	21,787	14,026	55.3%
Tiền và tương đương tiền	2,870	2,098	36.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5,929	986	501%
Phải thu ngắn hạn	729	417	74.7%
Hàng tồn kho	11,927	10,235	16.5%
Tài sản ngắn hạn khác	333	291	14.5%
Tài sản dài hạn	**1,927**	**1,806**	**6.7%**
Phải thu dài hạn	194	183	6.4%
Tài sản cố định	1,574	1,446	8.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.41	8.23	-82.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**157**	**169**	**-7.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	18,575	13,713	35.5%
Nợ ngắn hạn	**18,574**	**13,712**	**35.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10,052	8,800	14.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	5,996	3,202	87.2%
Nợ dài hạn	0.69	0.55	24.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,139**	**2,120**	**142%**
Vốn chủ sở hữu	**5,139**	**2,120**	**142%**
Vốn điều lệ	1,703	1,362	25.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)